TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/HS-ST
Ngày: 25 – 9 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

2. Ông Trương Công Định

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 166/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Xuân B**, sinh ngày 20/12/1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện T1, tỉnh T2; Chỗ ở: Số nhà 669, đường L, tổ 7, phường H, thành phố T2, tỉnh T2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Xuân H1 (đã chết) và bà Lê Thị T3. Có vợ là Nguyễn Thị N và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 02/1995 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 12/1996 xuất ngũ về địa phương.

Bản án hình sự sơ thẩm số 12/ST ngày 15/6/2001 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xử phạt Nguyễn Xuân B 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài

sản", chấp hành xong hình phạt tù 10/7/2001, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 31/7/2002.

Bản án hình sự sơ thẩm số 195/HSST ngày 13/12/2001 của Tòa án nhân dân thành phố B1 và Bản án hình sự phúc thẩm số 42/HSPT ngày 27/2/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt Nguyễn Xuân B 30 tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/2003. Đối với việc thi hành án phí hình sự sơ thẩm là 50.000 đồng, án phí hình sự phúc thẩm 50.000 đồng của Nguyễn Văn B, qua xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B1, tỉnh Đ thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B1, tỉnh Đ chưa ban hành Quyết định thi hành án đối với bản án trên.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 02/02/2021 của Công an thành phố T2, tỉnh T2 xử phạt Nguyễn Xuân B 15.000.000 đồng về hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ không có giấy phép, đã chấp hành xong ngày 04/2/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2023 đến ngày 25/3/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2. (có mặt)

2. **Phạm Văn T4**, sinh ngày 03/01/1991; Nơi cư trú: Thôn H2, xã M, huyện V, tỉnh T2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn T5 (đã chết) và bà Tô Thị N1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 02/2011 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 01/2013 xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2023 đến ngày 25/3/2023chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T2. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Bá L1, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L2, xã Q, huyện Q1, tỉnh T2.

- *Người chứng kiến:*

+ Ông Trần Văn Q2, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, phường K, thành phố T2, tỉnh T2.

+ Ông Phạm Đình M1, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 07, phường H, thành phố T2, tỉnh T2.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 669, đường L, tổ 7, phường H, thành phố T2, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/3/2023, Nguyễn Xuân B và Phạm Văn T4 đang ngồi chơi ở phòng khách tại nhà của Nguyễn Xuân B thì Phạm Bá L1 gọi điện thoại từ số thuê bao 0372649771 của L1 đến số thuê bao 0785505666 của Nguyễn Xuân B hỏi mua của B 500.000 đồng ma túy đá. B đồng ý và hẹn L1 đến nhà ở của B tại số nhà 669, đường L, tổ 7, phường H, thành phố T2, tỉnh T2. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, khi thấy anh Trần Văn Q2 là xe ôm chở L1 đến trước cửa nhà, B đưa cho T4 01 túi ma túy đá và bảo T4 mang ra bán cho L1. T4 đồng ý, nhận túi ma túy B đưa rồi đi ra bán cho L1. L1 nhận túi ma túy từ T4 rồi cất vào túi áo khoác ngoài bên phải phía trước đang mặc và lấy ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để đưa cho T4 nhưng chưa kịp đưa thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái B phối hợp với Công an thành phố Thái Bình phát hiện làm tờ tiền từ tay L1 rơi xuống đất tại phòng khách nhà B. Tại đây, trước sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị N (là vợ của Nguyễn Xuân B) và ông Phạm Đình M1, tổ công tác kiểm tra, thu giữ: tại túi áo khoác ngoài bên phải phía trước của Phạm Bá L1 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền, bên ngoài được dán bằng lớp băng dính màu trắng, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt, L1 khai nhận đây là túi ma túy đá vừa mua được của B và T4 với giá 500.000 đồng để sử dụng cho bản thân (đã niêm phong ký hiệu M). Thu tại túi áo ngực bên trái của L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, đã qua sử dụng lắp sim số thuê bao 0372649711 và 0936892161, L1 khai nhận đây là chiếc điện thoại dùng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy với B. Kiểm tra người Nguyễn Xuân B, thu giữ tại túi quần bên phải đang mặc của B 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, số seri: DD 10262808, thu tại túi quần bên trái của B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPP màu trắng, đã qua sử dụng lắp sim số thuê bao 0382013600 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng, đã qua sử dụng lắp sim số thuê bao 0355148685 và 0785505666. Kiểm tra người Phạm Văn T4, thu giữ tại túi quần bên trái T4 đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, đã qua sử dụng lắp sim số thuê bao 0879328843. Kiểm tra xe mô tô của anh Q2 và người anh Trần Văn Q2 không phát hiện thu giữ gì, anh Q2 khai nhận được L1 thuê chở xe ôm theo hướng dẫn của L1, không biết L1 đi mua ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Xuân B đã phát hiện và thu giữ dưới nền nhà phòng khách cạnh bàn uống nước 01 túi nilon trong suốt có mép cài

viền màu xanh, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (đã niêm phong ký hiệu M2) và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số Seri là: EL 21869565; thu tại mặt bàn uống nước tầng hai 01 cân điện tử vỏ màu đen, đã cũ, 01 bộ bình dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế bằng vỏ chai nhựa, nắp có gắn một nỏ thủy tinh và một ống hút nhựa, thu trong hộp giấy dưới gầm bàn máy tính tại phòng tầng hai 01 gói được gói bằng giấy vệ sinh màu trắng được cuốn bằng băng dính màu trắng, bên trong có 02 túi nilon trong suốt đều chứa chất dạng tinh thể trong suốt (đã niêm phong ký hiệu M3), thu tại mắt Camera tại phòng khách tầng 1 chỗ ở của Nguyễn Xuân B 01 thẻ nhớ 32GB, nhãn hiệu HIKVISION, màu đen (đã niêm phong theo quy định).

Tại bản kết luận giám định số 362/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0399 gam (không phẩy không nghìn ba trăm chín mươi chín gam).

Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,0063 gam (một phẩy không nghìn không trăm sáu mươi ba gam).

Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3466 gam (không phẩy ba nghìn bốn trăm sáu mươi sáu gam).

Tại bản kết luận giám định số 411/KL-KTHS ngày 03/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận 02 tờ tiền Việt Nam, loại polymer mệnh giá 500.000 đồng có số seri: DD 10262808 và số seri: EL 21869565 đều là tiền thật.

Tại bản kết luận giám định số 1140/KL-KTHS ngày 07/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận"Trong thẻ nhớ gửi giám định tại thư mục "2023-03-15\001\dav\22" và thư mục "2023-03-15\001\dav\23" có tổng số 12 (mười hai) tập tin video hiển thị thời gian từ thời điểm 2023-03-15 22:30:00 đến thời điểm 2023-3-15 23:29:00 (theo thời gian hiển thị trong dữ liệu video) không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh của 12 (mười hai) tập video trên. Hình ảnh, diễn biến liên quan tới vụ việc trên được trích xuất, mô tả trong Phụ lục kèm theo Kết luận giám định."

Bản Cáo trạng số 173/CT-VKSTPTB ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Xuân B và bị cáo Phạm Văn T4 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T4 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Xuân B không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên trong giai đoạn truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai nhận nguồn gốc ma túy B đưa cho T4 để bán cho L1 cùng số ma túy Cơ quan Công an thu giữ khi khám xét tại nhà ở của B là do một người bạn trong lúc ăn uống tại thành phố Hải Phòng cho B để B sử dụng dần nhưng B không nhớ ai cho, do lòng tham muốn kiếm lời nên B cất giấu đợi có ai hỏi mua thì bán. Nguồn gốc chiếc cân điện tử vỏ màu đen và bộ bình sử dụng ma túy đá tự chế kèm theo ống hút nhựa là của B cất giấu tại nhà để thuận tiện cho việc mua bán và sử dụng ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân B và bị cáo Phạm Văn T4 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân B từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T4 mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn T4.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong, bên trong có 03 mẫu vật ký hiệu M, M2, M3 bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định số 362/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu đen, đã qua sử dụng và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế (kèm theo 01 ống hút nhựa).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đỏ, đều đã qua sử dụng

Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Phạm Văn T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân B và Phạm Văn T4 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ buộc tội lẫn nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 15/3/2023, tại số nhà 669, đường L, tổ 7, phường H, thành phố T2, tỉnh T2, Nguyễn Xuân B đã có hành vi đưa cho Phạm Văn T4 0,0399 gam ma túy, loại Methamphetamine để bán cho Phạm Bá L1 với giá 500.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Xuân B còn có hành vi tàng trữ trái phép tại chỗ ở 1,3529 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Xuân B và Phạm Văn T4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự:

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân B và Phạm Văn T4 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy là loại chất gây nghiện gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phá hoại hạnh phúc của bao gia đình và còn phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân B và bị cáo Phạm Văn T4 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, bị cáo Nguyễn Xuân B là người đưa ma túy cho bị cáo Phạm Văn T4 để bán cho anh Phạm Bá L1, T4 biết là ma túy nhưng vẫn cầm để bán cho L1 nên đồng phạm với vai trò giúp sức.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Xuân B và bị cáo Phạm Văn T4 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, có thời gian phục vụ trong quân đội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Bị cáo Nguyễn Xuân B bán ma túy với mục đích kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn T4 không được hưởng lợi từ việc

phạm tội, không có công việc, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Số ma túy thu giữ còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đỏ, đều đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tài sản của bị cáo Nguyễn Xuân B, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Phạm Văn T4, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó trả lại cho bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu đen và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế (kèm theo 01 ống hút nhựa) không còn giá trị sử dụng.

[9] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Nguyễn Xuân B khai được một người bạn không rõ tên và địa chỉ ở thành phố Hải Phòng cho nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ để xử lý.

[10] Đối với Phạm Bá L1 là người mua 0,0399 gam ma túy, loại Methamphetamine của bị cáo B và bị cáo T4 mục đích để sử dụng. Bản thân L1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa từng bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc các tội phạm quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 Bộ luật Hình sự. Do vậy, hành vi của Phạm Bá L1 không cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với L1.

[11] Đối với anh Trần Văn Q2 là người được Phạm Bá L1 thuê chở đi theo sự chỉ dẫn của L1. Anh Q2 không biết việc L1 thuê xe chở đi mua ma túy, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không xử lý đối với anh Q2.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân B và bị cáo Phạm Văn T4 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16/3/2023).

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T4 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16/3/2023).

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong ký hiệu M, M2, M3 bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định số 362/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu đen, đã qua sử dụng và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế (kèm theo 01 ống hút nhựa).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đỏ, đều đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Trả lại bị cáo Phạm Văn T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/9/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Xuân B và bị cáo Phạm Văn T4, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý